

**CHƯƠNG IV**

**CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐÔNG CỔ ĐÔNG**

**MỤC I : CỔ ĐÔNG**

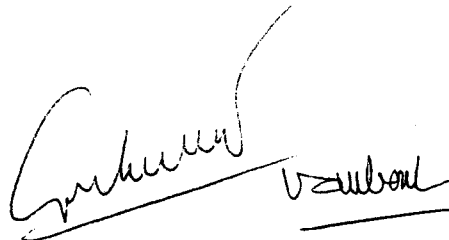
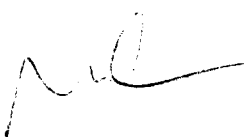
**Điều 18 : Quy định chung về cổ đông**

1. Cổ đông là những người chủ sở hữu của Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Trách nhiệm của mỗi cổ đông được giới hạn theo số tiền mệnh giá của các cổ phần mà cổ đông nắm giữ.
2. Cổ đông được công nhận chính thức khi đóng đủ tiền mua cổ phần và được ghi tên vào Sổ ký cổ đông lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
3. Người đại diện hợp pháp của cổ đông tại Công ty;
  - a. Người đại diện hợp pháp của cổ đông pháp nhân tại Công ty là người đại diện theo pháp luật của pháp nhân đó theo quy định pháp luật hiện hành.
  - b. Cổ đông là cá nhân có thể cử người khác có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự làm đại diện cho mình tại Công ty.
  - c. Các cổ đông có thể tự nhóm lại để cử 01 người đại diện. Trường hợp cử hoặc thay đổi người đại diện cho một nhóm cổ đông phải được sự chấp thuận của các cổ đông này bằng văn bản.
  - d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông muốn thay đổi người đại diện phải có văn bản gửi lên HĐQT của Công ty.
4. Cổ đông sáng lập : là những cổ đông có đủ các điều kiện sau :
  - a. Tham gia thông qua Điều lệ lần đầu của Công ty cổ phần;
  - b. Cùng nhau nắm giữ ít nhất 20% số cổ phần phổ thông được quyền chào bán;

**Điều 19 : Quyền của Cổ đông**

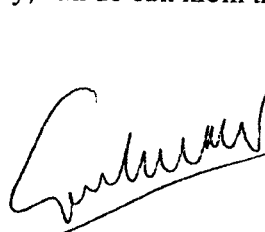
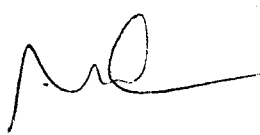
Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau đây :

1. Tham dự và phát biểu trong các ĐHCĐ và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
2. Được nhận cổ tức với mức theo quyết định của ĐHCĐ;
3. Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
4. Được tự do mua, bán, chuyển nhượng và thừa kế cổ phần theo quy định trong Điều lệ này và phù hợp với các quy định hiện hành của pháp luật;



Điều lệ Công ty Cổ phần Thực phẩm & Dịch vụ Sài Gòn

5. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác ;
6. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, sổ biên bản họp ĐHĐCĐ và các nghị quyết của ĐHĐCĐ;
7. Trong trường hợp Công ty bị giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty, sau khi Công ty đã thực hiện đầy đủ các trách nhiệm đối với chủ nợ và cổ đông ưu đãi ;
8. Đề cử hoặc ứng cử người vào HĐQT và BKS theo các quy định sau đây :
  - a. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phần trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng được ứng cử hoặc đề cử theo tỷ lệ nắm giữ cổ phần của Công ty được quy định như sau : từ 5% đến 25% thì họ được quyền đề cử 01 thành viên để bầu vào Hội đồng Quản trị; nếu chiếm từ trên 25% đến 50% thì họ được đề cử 2 thành viên; nếu từ trên 50% đến 70% thì họ được đề cử 03 thành viên; nếu lớn hơn 70% thì họ được đề cử 4 thành viên.
  - b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phần của công ty trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng được ứng cử hoặc đề cử 1 người vào BKS của Công ty.
9. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% số cổ phần của Công ty trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng có quyền :
  - a. Yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp sau đây :
    - HĐQT vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;
    - Nhiệm kỳ của HĐQT vượt quá 6 tháng mà HĐQT mới chưa được bầu thay thế;
  - b. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của HĐQT, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và báo cáo của BKS;
  - c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích cần kiểm tra;



Vauboul



**Điều 20: Nghĩa vụ của cổ đông**

1. Thanh toán đủ số cổ phần cam kết mua trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì thành viên HĐQT và Tổng Giám đốc phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút.

2. Tuân thủ Điều lệ và quy chế nội bộ của Công ty.
3. Chấp hành quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT.
4. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ.
5. Cổ đông phổ thông phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây :
  - a. Vi phạm pháp luật;
  - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
  - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

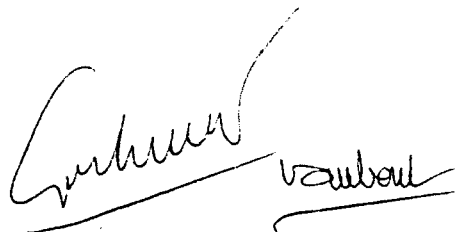
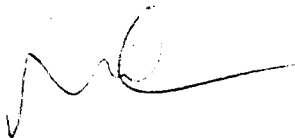
**MỤC II : ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

**Điều 21: Quy định chung về ĐHĐCĐ**

1. ĐHĐCĐ gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, hoạt động thông qua cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên, ĐHĐCĐ bất thường và thông qua việc lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Các cuộc họp ĐHĐCĐ phải có đủ số lượng cổ đông tham dự tối thiểu theo quy định tại điều 24 của điều lệ này.

**Điều 22 : Đại hội đồng Cổ đông thường niên**

1. ĐHĐCĐ thường niên được tổ chức mỗi năm một lần do HĐQT triệu tập trong khoảng thời gian 120 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính ( ngày 31 tháng 12 )
2. Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên có các Quyền hạn và Nhiệm vụ sau đây :
  - a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;



bauboul

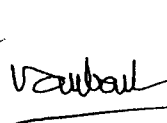
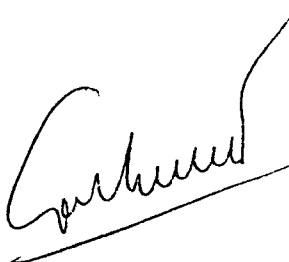
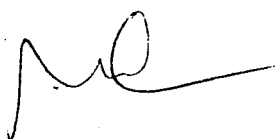


Điều lệ Công ty Cổ phần Thực phẩm & Dịch vụ Sài Gòn

- b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
- c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát;
- d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
- e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán quy định tại điều lệ Công ty;
- f. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
- g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h. Xem xét và xử lý các vi phạm của HĐQT, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và Cổ đông Công ty;
- i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- j. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của luật pháp và quy định của Công ty.

**Điều 23: Đại hội đồng cổ đông bất thường**

1. Lý do triệu tập ĐHĐCĐ bất thường : Trường hợp phát sinh những vấn đề bất thường, ảnh hưởng đến tổ chức và hoạt động của Công ty theo quy định của Luật doanh nghiệp, ĐHĐCĐ bất thường được triệu tập họp :
  - a. Theo quyết định của HĐQT khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
  - b. Số thành viên HĐQT còn lại ít hơn 2/3 theo quy định của Điều lệ;
  - c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông tại điểm a khoản 10 điều 19 Điều lệ này;
  - d. Theo yêu cầu của BKS;
2. Quyền hạn và nhiệm vụ của ĐHĐCĐ trong phiên họp bất thường :
  - a. Quyết định các chủ trương, xử lý các vấn đề bất thường và các tranh chấp, tố tụng nghiêm trọng;
  - b. Bãi nhiệm, bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên HĐQT, BKS;
  - c. Biểu quyết, sửa đổi, bổ sung điều lệ;
  - d. Xử lý các vấn đề khẩn cấp khác.



Điều lệ Công ty Cổ phần Thực phẩm & Dịch vụ Sài Gòn

3. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày số thành viên HĐQT còn lại như điểm b hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c, d khoản 1 Điều này.
4. Trường hợp HĐQT không triệu tập cuộc họp nêu trên, thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh trước Công ty.

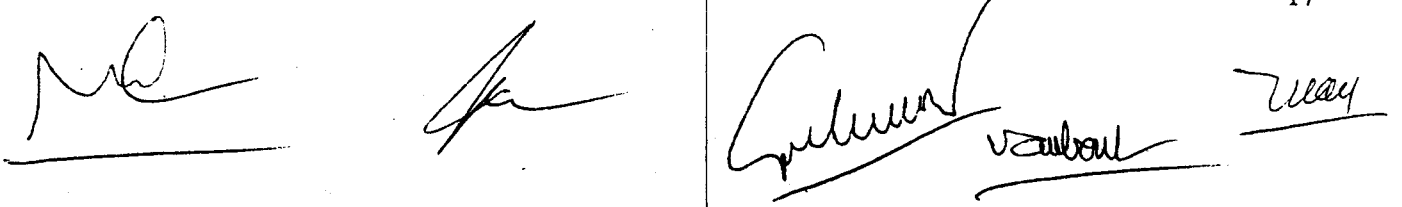
**Điều 24: Thẩm quyền triệu tập họp ĐHĐCĐ, chương trình họp, thông báo**

1. Chủ tịch HĐQT là người triệu tập ĐHĐCĐ ( kể cả thường niên và bất thường ) nếu chủ tịch HĐQT vắng mặt phó Chủ tịch HĐQT thay thế hoặc có thể ủy nhiệm cho một thành viên HĐQT.
2. Thông báo triệu tập họp ĐHĐCĐ phải được gửi cho các cổ đông trước 7 ngày;
3. Người triệu tập ĐHĐCĐ phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây :
  - a. Chuẩn bị danh sách cổ đông có đủ điều kiện tham gia và biểu quyết chậm nhất ba mươi ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ. Chương trình họp, các tài liệu phụ họp với pháp luật và các quy định của Công ty;
  - b. Xác định thời gian và địa điểm họp;
  - c. Thông báo cho tất cả các cổ đông về việc tiến hành họp ĐHĐCĐ.
4. Cuộc họp ĐHĐCĐ là hợp lệ nếu có số cổ đông :
  - a. Đại diện ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong lần triệu tập lần đầu;
  - b. Đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần ; trong lần triệu tập lần thứ hai nếu trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện. Thời hạn họp lần thứ hai trong vòng ba mươi ngày.
  - c. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện phải triệu tập cuộc họp lần thứ ba trong thời hạn hai mươi ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai; cuộc họp của ĐHĐCĐ lần thứ ba không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp và tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp.
5. HĐQT có nhiệm vụ kiểm tra xác nhận tư cách của cổ đông hoặc người đại diện đến tham dự họp ĐHĐCĐ, lập danh sách hiện diện ( số cổ phần sở hữu, cổ phần đại diện )  
Chủ tọa cử một người làm thư ký lập biên bản họp ĐHĐCĐ.

ĐHĐCĐ bầu Ban kiểm phiếu không quá 03 người theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

**Điều 25 : Biên bản họp ĐHĐCĐ**

1. Cuộc họp ĐHĐCĐ cổ đông phải được ghi vào biên bản của Công ty. Biên bản phải có các nội dung sau :
  - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
  - b. Thời gian và địa điểm họp



- c. Chương trình và nội dung cuộc họp;
  - d. Chủ tọa và thư ký;
  - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp ĐHĐCĐ
  - f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp
  - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề, tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết đã được thông qua.
  - h. Các quyết định đã được thông qua;
  - i. Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.
2. Biên bản họp phải được làm xong và thông qua đại hội trước khi bế mạc.
  3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

**Điều 26 : Chi phí tổ chức ĐHĐCĐ**

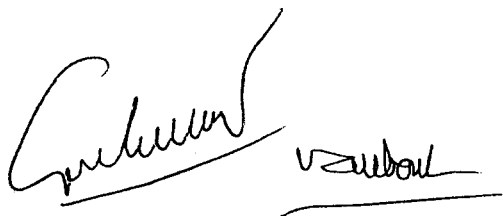
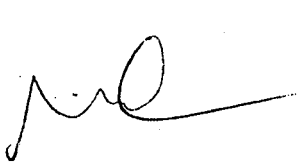
Tất cả chi phí cần thiết để triệu tập và tiến hành ĐHĐCĐ sẽ do Công ty chi trả; Các chi phí mang tính cá nhân như chi phí đi lại, ăn ở do cổ đông tự trang trải.

**Điều 27: Quyền dự họp ĐHĐCĐ**

1. Cổ đông là cá nhân, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức trực tiếp hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp đại hội đồng cổ đông. Trường hợp cổ đông là tổ chức không có người đại diện theo ủy quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 96 Luật Doanh nghiệp thì ủy quyền người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.
2. Việc ủy quyền đại diện tham dự ĐHĐCĐ phải được lập bằng văn bản theo mẫu chung do HĐQT chấp thuận và phải có chữ ký theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Người được ủy quyền phải trình văn bản này cho Ban tổ chức đại hội trước khi khai mạc.

**Điều 28: Thông qua quyết định của ĐHĐCĐ**

1. ĐHĐCĐ thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
  - a. Biểu quyết tại cuộc họp phải công khai và trực tiếp; ngoài những trường hợp được quy định trong điều lệ này, ĐHĐCĐ có thể quyết định bỏ phiếu kín trong các trường hợp khác.
  - b. Mỗi cổ đông khi biểu quyết được tính bằng phiếu biểu quyết. Số phiếu biểu quyết bằng số cổ phần mà cổ đông sở hữu.

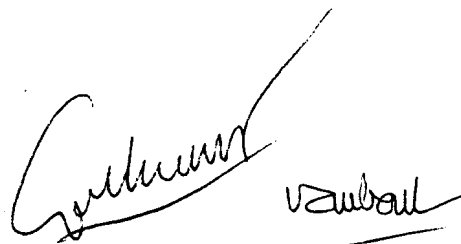


2. Quyết định của ĐHĐCĐ được thông qua tại cuộc họp khi có đủ các điều kiện sau đây :

- a. Khi có số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận;
- b. Đối với quyết định về loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; tổ chức lại, giải thể Công ty; đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.
- c. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu.
- d. Các quyết định được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ với số cổ đông trực tiếp và ủy quyền tham dự đại diện 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định và đối với cả các cổ đông vắng mặt hoặc bất đồng ý kiến.

**Điều 29 : Phê chuẩn các nghị quyết của ĐHĐCĐ**

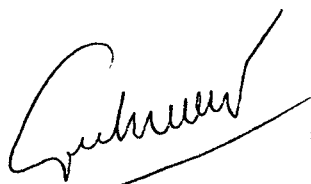

1. Trường hợp không tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ được, thì Nghị quyết của ĐHĐCĐ được thông qua bằng hình thức gửi văn bản khi có số cổ đông đại diện cho ít nhất 75% tổng số cổ phiếu biểu quyết chấp thuận và được thực hiện theo các thủ tục quy định tại các khoản 2 của điều này.
2. HĐQT có trách nhiệm sau đây để các nghị quyết của cổ đông được thông qua bằng hình thức gửi văn bản :
  - a. Quyết định các vấn đề cần xem xét, hình thức và nội dung bỏ phiếu kín theo Điều lệ này và pháp luật;
  - b. Gửi phiếu bầu và tất cả các văn bản cần thiết cho tất cả các cổ đông có quyền tham dự ĐHĐCĐ để các cổ đông này có thể ra các quyết định có đầy đủ thông tin.
  - c. Nghị quyết của ĐHĐCĐ phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Nghị quyết được thông qua.
3. Nghị quyết được thông qua bằng hình thức gửi văn bản theo quy định tại khoản 1 của điều này có giá trị tương đương với các Nghị quyết do ĐHĐCĐ thông qua bằng hình thức họp hội nghị.



**Điều 30 : Yêu cầu hủy bỏ quyết định của ĐHĐCĐ**

Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày Nghị quyết được thông qua, cổ đông, thành viên HĐQT, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau :

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp ĐHĐCĐ không thực hiện đúng theo quy định của luật pháp và Điều lệ của Công ty.
2. Trình tự và thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.





**CHƯƠNG V**  
**CƠ CẤU TỔ CHỨC - QUẢN LÝ**

**Điều 31 : Cơ cấu tổ chức quản lý công ty cổ phần**

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:

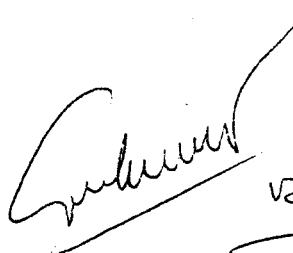
- a. Đại hội đồng Cổ đông
- b. Hội đồng Quản trị
- c. Tổng Giám đốc điều hành
- d. Ban kiểm soát

Tổng giám đốc điều hành là người đại diện theo pháp luật của Công ty để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty.

**Điều 32 : Nghĩa vụ chung của người quản lý Công ty**

HDQT, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và cán bộ quản lý khác của Công ty trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình có các nghĩa vụ sau :

1. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, miễn cưỡng vì lợi ích của Công ty và cổ đông của Công ty;
2. Không được lạm dụng địa vị và quyền hạn, sử dụng tài sản của Công ty để thu lợi riêng cho bản thân, cho người khác; không được đem tài sản của Công ty cho người khác; không được tiết lộ bí mật của Công ty, trừ trường hợp HDQT chấp thuận;
3. Khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả, thì :
  - a. Phải thông báo tình hình tài chính của Công ty cho tất cả chủ nợ biết;
  - b. Không được tăng tiền lương, không được trả tiền thưởng cho công nhân viên của Công ty, kể cả cho người quản lý;
  - c. Phải chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với chủ nợ do không thực hiện nghĩa vụ quy định tại các điểm a, b khoản này;
  - d. Kiến nghị biện pháp khắc phục khó khăn về tài chính của Công ty.



**CHƯƠNG VI**

**TỔ CHỨC QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

**MỤC I : HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**Điều 33 : Quy định chung về HĐQT**

HĐQT là cơ quan quản lý của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

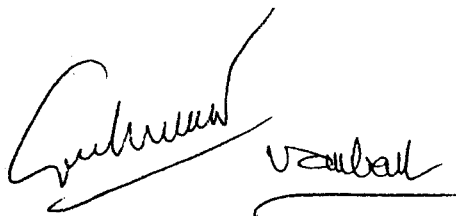
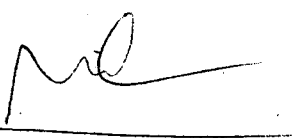
1. Số thành viên của HĐQT là 5 người.
2. Thành viên HĐQT có thể kiêm nhiệm các chức vụ trong Ban Tổng giám đốc Công ty.
3. HĐQT bầu Chủ tịch HĐQT bằng thể thức bầu trực tiếp và bỏ phiếu kín.
4. Tiêu chuẩn thành viên HĐQT :
  - Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;
  - Có trình độ từ Đại học trở lên;
  - Có trách nhiệm, tư cách, đạo đức tốt;
  - Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh, am hiểu tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty, đã kinh qua quản lý ngành thực phẩm hoặc các ngành nghề có liên quan về kinh doanh dịch vụ của Công ty cổ phần;

**Điều 34 : Nhiệm kỳ và số lượng thành viên**

1. Nhiệm kỳ của các thành viên HĐQT là năm năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. HĐQT của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi HĐQT mới được bầu và tiếp quản công việc.
3. Trong nhiệm kỳ, ĐHĐCĐ có thể bãi nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT thay thế. ( Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ HĐQT ).

**Điều 35 : Chủ tịch và thành viên HĐQT**

1. HĐQT phải lựa chọn trong số các thành viên của mình để bầu ra một Chủ tịch. Chủ tịch HĐQT có thể kiêm Tổng Giám đốc Công ty.
2. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập, chủ tọa ĐHĐCĐ và các cuộc họp của HĐQT, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và theo Luật doanh nghiệp. Chủ tịch có thể ủy quyền cho thành viên HĐQT thực hiện các công việc của

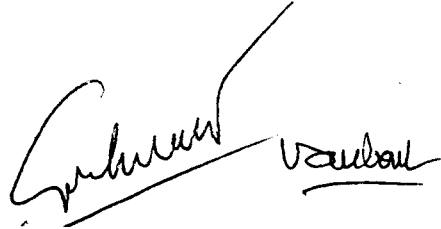


Chủ tịch trong trường hợp vắng mặt. Nếu Chủ tịch không chỉ định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số quá bán.

3. Chủ tịch HĐQT phải đệ trình báo cáo tài chính thường niên, báo cáo về tình hình chung của Công ty, báo cáo kiểm toán của kiểm toán viên và báo cáo kiểm tra của HĐQT lên các cổ đông tại ĐHĐCĐ.
4. Khi Chủ tịch HĐQT từ chức hoặc bị bãi miễn vì bất cứ lý do nào thì HĐQT phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày.

**Điều 36 : Quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT**

1. HĐQT có các quyền và nhiệm vụ sau :
  - a. Quyết định chiến lược phát triển Công ty hàng năm;
  - b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
  - c. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác.
  - d. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của HĐQT.
  - e. HĐQT có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc điều hành và những người quản lý khác.
  - f. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
  - g. Quyết định mua lại không quá 10% số cổ phần của Công ty đã bán của từng loại;
  - h. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của luật pháp và Điều lệ Công ty.
  - i. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ thông qua các loại hợp đồng có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty hoặc tỷ lệ khác nhỏ hơn.
  - j. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ, triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến để ĐHĐCĐ thông qua quyết định;
  - k. Xác định các mục tiêu hoạt động và mục tiêu chiến lược trên cơ sở các mục đích chiến lược đã được ĐHĐCĐ thông qua.
  - l. Bổ nhiệm và bãi nhiệm, cách chức, ký hợp đồng chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, kế toán trưởng và người quản lý quan trọng khác nếu HĐQT cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty. Tuy nhiên việc

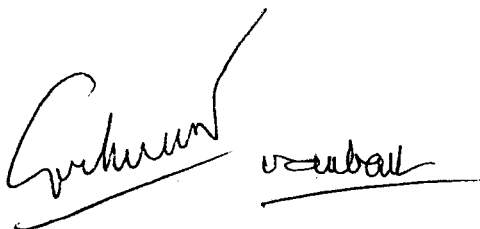


Điều lệ Công ty Cổ phần Thực phẩm & Dịch vụ Sài Gòn

- cách chức hay bãi nhiệm không trái với pháp luật và Điều lệ của Công ty; HĐQT quyết định mức lương của họ hoặc các quyền lợi khác có liên quan;
- m. Cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó.
  - n. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty, quyết định thành lập Công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
  - o. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
  - p. Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên ĐHCĐ;
  - q. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản của Công ty;
2. HĐQT thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc bằng hình thức khác do Điều lệ Công ty quy định. Mỗi thành viên HĐQT có một phiếu biểu quyết.
3. HĐQT thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình đúng theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của ĐHCĐ. Trong trường hợp quyết định do HĐQT trái với quy định hoặc gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên trong HĐQT cùng liên đới chịu trách nhiệm đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm.

**Điều 37 : Hoạt động của HĐQT**

- 1. HĐQT họp thường kỳ 3 tháng 1 lần, trong trường hợp cần thiết có thể họp bất thường.
- 2. Cuộc họp hợp lệ có ít nhất  $\frac{3}{4}$  thành viên tham dự.
- 3. Trong trường hợp cần thiết, HĐQT có thể họp phiên bất thường theo yêu cầu của :
  - a. Có đề nghị của Ban kiểm soát;
  - b. Chủ tịch HĐQT;
  - c. Có đề nghị ít nhất 2 thành viên HĐQT;
  - d. Tổng Giám đốc Công ty.
- 4. Đề nghị về cuộc họp HĐQT sẽ phải được làm bằng văn bản và phải thông báo cả về chương trình họp, thời gian, và địa điểm họp và phải được kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp HĐQT và cả các phiếu bầu cho những thành viên HĐQT không thể dự họp.



Điều lệ Công ty Cổ phần Thực phẩm & Dịch vụ Sài Gòn

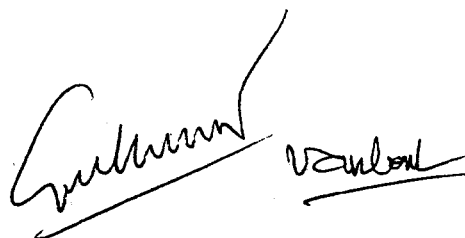

5. HĐQT có quyền thông qua Nghị quyết bằng việc tiến hành cuộc họp hặc bằng hình thức lấy ý kiến thông qua thư tín hoặc Fax.
6. Nghị quyết của HĐQT được thông qua theo đa số thành viên dự họp đồng ý ( theo thể thức quá bán - trên 50% ). Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT..
7. Nghị quyết của HĐQT trong mỗi phiên họp đều phải ghi vào biên bản và phải có đầy đủ chữ ký của các thành viên tham dự.

**Điều 38 : Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên HĐQT bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp sau :
  - a. Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại điều 33 của Điều lệ này;
  - b. Không đủ năng lực hành vi dân sự;
  - c. Thành viên đó vắng mặt, không tham dự các cuộc họp của HĐQT liên tục trong vòng 6 tháng mà không có sự cho phép của HĐQT và HĐQT đã quyết nghị rằng chức vụ người này bị bỏ trống.
  - d. Có đơn xin từ chức;
  - e. Cổ đông pháp nhân mất tư cách pháp nhân;
  - g. Cổ đông pháp nhân không cử làm đại diện nữa.
  - f. Công ty chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật.
  - h. Thành viên HĐQT có thể bị miễn nhiệm bất cứ lúc nào theo quyết định của ĐHĐCĐ.

**Điều 39 : Trường hợp khuyết thành viên HĐQT**

1. Chủ tịch, thành viên HĐQT muốn từ chức hoặc các pháp nhân muốn thay đổi người đại diện của mình đang giữ chức Chủ tịch, thành viên HĐQT của Công ty thì phải có yêu cầu bằng văn bản gửi đến HĐQT. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu, HĐQT sẽ họp để xem xét và trình ĐHĐCĐ quyết định.
2. Trường hợp Chủ tịch HĐQT bị miễn nhiệm, bãi nhiệm thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc quá bán cho đến kỳ họp ĐHĐCĐ gần nhất để bầu bổ sung.
3. Trường hợp số thành viên HĐQT bị giảm quá một phần ba so với tổng số quy định tại Điều lệ Công ty thì HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn không quá sáu mươi ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá 1/3 để bầu bổ sung.
4. Các trường hợp khuyết thành viên HĐQT khác do ĐHĐCĐ gần nhất quyết định.

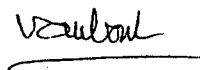
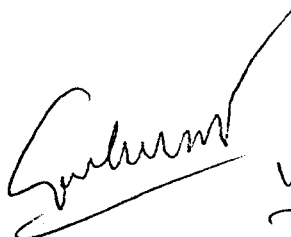


**Điều 40 : Phân công nhiệm vụ và quyền hạn giữa các thành viên trong HĐQT**

1. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm và quyền hạn sau đây :
  - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT; lập chương trình công tác và phân công thành viên theo dõi quá trình thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT;
  - b. Chuẩn bị việc tổ chức chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp HĐQT;
  - c. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập và chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và theo Luật doanh nghiệp;
  - d. Được ủy quyền và chịu trách nhiệm về sự ủy quyền của mình.
2. Nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên HĐQT :
  - a. Nghiên cứu, đánh giá tình hình, kết quả hoạt động và đóng góp vào việc xây dựng phương hướng phát triển, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong từng thời kỳ;
  - b. Được quyền yêu cầu các cán bộ, viên chức của Công ty cung cấp đầy đủ mọi tài liệu có liên quan đến hoạt động của Công ty để thực hiện nhiệm vụ của mình;
  - c. Tham dự phiên họp của HĐQT, thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nội dung phiên họp, chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước ĐHĐCĐ và trước HĐQT về việc thực hiện quyền hạn và nhiệm vụ được giao;
  - d. Nghiêm túc thực hiện Điều lệ của Công ty và Nghị quyết của ĐHĐCĐ. Thực hiện Nghị quyết của HĐQT có liên quan đến từng thành viên và sự phân công, phân nhiệm của HĐQT;
  - e. Những quy định khác về quyền hạn và trách nhiệm trước pháp luật.
3. Thành viên HĐQT trực tiếp thực thi nhiệm vụ đã được HĐQT phân công, không được ủy quyền cho người khác.

**Điều 41: Quyền lợi của thành viên HĐQT**

1. Các thành viên HĐQT được hưởng thù lao công việc và tiền thưởng với tư cách là thành viên HĐQT. Tổng mức thù lao của HĐQT do ĐHĐCĐ quyết định tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên.
2. Thành viên HĐQT có quyền được thanh toán chi phí hợp lý mà họ phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT của mình.
3. Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên HĐQT và số tiền mỗi thành viên được nhận phải được ghi chi tiết trong báo cáo thường niên của ĐHĐCĐ.



4. Mọi chi phí của HĐQT và tiền lương của Tổng giám đốc được tính vào chi phí quản lý của Công ty.

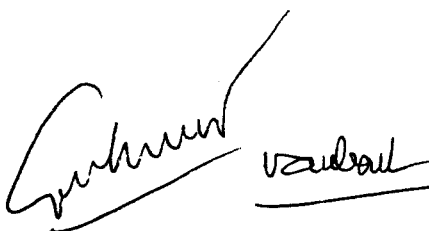
## **MỤC II : BAN KIỂM SOÁT**

### **Điều 42 : Quy định chung của Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát là cơ quan do ĐHĐCĐ bầu ra, thay mặt cổ đông để kiểm soát một cách độc lập, khách quan và trung thực mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty.
2. Ban kiểm soát có ba thành viên. Ban kiểm soát phải bầu một thành viên làm Trưởng ban, phải có ít nhất hai thành viên có chuyên môn về kế toán tài chính.
3. Tiêu chuẩn và điều kiện của Ban kiểm soát
  - a. Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp;
  - b. Không có mối liên hệ gia đình đối với các thành viên của HĐQT, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty và người quản lý khác;
  - c. Thành viên Ban kiểm soát có thể hoạt động kiêm nhiệm nhưng không được giữ các chức vụ quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty.
  - d. Có kinh nghiệm và am hiểu kỹ thuật, nghiệp vụ kinh doanh của công ty;
  - e. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực liêm khiết, có hiểu biết luật pháp.
  - f. Là cổ đông hoặc người khác do cổ đông đề cử;
4. Ban kiểm soát được hưởng thù lao và tiền thưởng theo quyết định của ĐHĐCĐ. Chi phí cho BKS được hạch toán vào chi phí của Công ty;

### **Điều 43 : Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát**

1. Các thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ là 5 năm, do ĐHĐCĐ bầu và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Trong nhiệm kỳ có khuyết thành viên BKS thì trong kỳ họp ĐHĐCĐ gần nhất phải bầu bổ sung.
3. Trong trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi Ban kiểm soát mới được bầu và nhận nhiệm vụ.



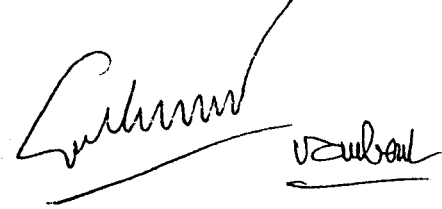
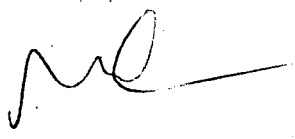
**Điều 44 : Từ chức từ nhiệm và miễn nhiệm Ban kiểm soát**

1. Một thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:
  - a. Không đủ các tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo điều 42 của Điều lệ này;
  - b. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến HĐQT để trình ĐHĐCĐ gần nhất.
  - c. Cổ đông muốn thay thế người đại diện hoặc người được ủy quyền đại diện của mình đang giữ chức vụ thành viên BKS thì phải có văn bản gửi đến HĐQT và BKS để xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật hiện hành.
  - d. Trong trường hợp khuyết chức danh Trưởng ban kiểm soát, các thành viên còn lại của BKS cử 01 người tạm thay thế.
  - e. Trong trường hợp khuyết thành viên BKS mà những thành viên BKS còn lại không có chuyên môn tài chính kế toán, Trưởng BKS phải đề nghị HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường để bầu bổ sung.
  - f. Không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình trong vòng sáu tháng liên tục mà không được phép của BKS và BKS quyết nghị rằng vị trí người đó bị bỏ trống ; trừ trường hợp bất khả kháng;
  - g. Thành viên Ban kiểm soát có thể bị miễn nhiệm bất cứ khi nào theo quyết định của ĐHĐCĐ;
  - h. Trưởng BKS muốn từ chức phải được sự nhất trí của 2/3 thành viên của BKS còn lại.

Trường hợp Ban kiểm soát vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho Công ty thì HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ để xem xét và miễn nhiệm Ban kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban kiểm soát mới thay thế.

**Điều 45 : Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát**

1. Trưởng BKS có trách nhiệm phân công thành viên BKS phụ trách từng loại công việc kiểm soát và chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động của BKS.
2. BKS phải họp ít nhất mỗi quý một lần. Mỗi lần họp phải có biên bản gửi HĐQT và là tài liệu lưu giữ của Công ty.
3. Mỗi thành viên BKS dưới sự chỉ đạo và phân công của Trưởng BKS có nhiệm vụ và quyền hạn như sau :



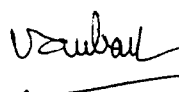
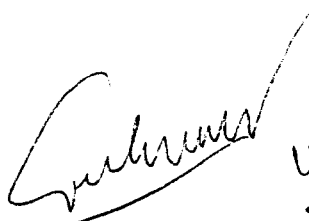


Điều lệ Công ty Cổ phần Thực phẩm & Dịch vụ Sài Gòn

- a. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát HĐQT, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong thực hiện các nhiệm vụ được giao;
- b. Thẩm định các báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm sáu tháng và hàng quý của Công ty; báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT và trình lên ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên.
- c. Kiểm soát các hoạt động của Công ty, kiểm tra sổ sách kế toán và các tài liệu khác bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của ĐHĐCĐ hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông.
- d. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông, Ban kiểm soát phải thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy ngày và phải có báo cáo giải trình đến HĐQT và cổ đông hoặc nhóm cổ đông yêu cầu trong thời gian mười lăm ngày.
- e. Kiến nghị HĐQT hoặc ĐHĐCĐ các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
- f. Khi phát hiện những sự kiện tài chính bất thường, những vi phạm nghĩa vụ quản lý Công ty, những khuyết điểm trong quản lý tài chính của thành viên HĐQT, Tổng giám đốc thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả. Nếu biết sai phạm mà không báo Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thiệt hại (nếu có);
- g. Việc kiểm tra, kiểm soát theo quy định này không được gây cản trở đến hoạt động bình thường của HĐQT, không gây gián đoạn trong việc điều hành của Tổng giám đốc Công ty;
- h. Trưởng Ban kiểm soát hoặc 2/3 số thành viên Ban kiểm soát có quyền yêu cầu HĐQT họp phiên họp bất thường.
- i. Trình ĐHĐCĐ báo cáo thẩm tra bảng tổng kết năm tài chính sau khi đã tham khảo ý kiến của HĐQT; thông báo định kỳ tình hình kết quả kiểm soát cho HĐQT.
- j. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp.

**Điều 46 : Nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát**

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, quyết định của ĐHĐCĐ và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông của Công ty.



Điều lệ Công ty Cổ phần Thực phẩm & Dịch vụ Sài Gòn

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và Cổ đông Công ty; không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Trường hợp vi phạm các quy định điều lệ Công ty và luật pháp gây hại cho Công ty hoặc người khác thì các thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Trường hợp phát hiện có thành viên trong Ban kiểm soát vi phạm nghĩa vụ trong thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao thì HĐQT yêu cầu người vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

**MỤC III : TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC VẤN ĐỀ LIÊN QUAN**

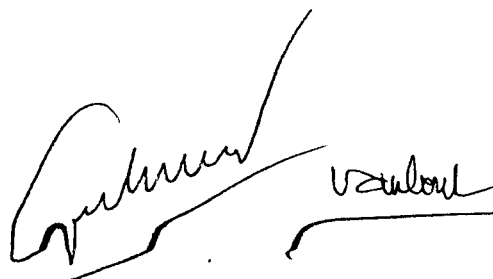
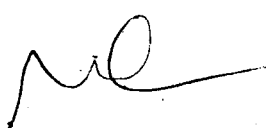
**Điều 47: Bổ nhiệm Tổng Giám đốc**

HĐQT bổ nhiệm một thành viên trong HĐQT hoặc một người khác làm Tổng giám đốc Công ty và quy định mức lương, thù lao và các lợi ích liên quan khác.

Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm năm; có thể bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

**Điều 48 : Quyền hạn và nhiệm vụ của Tổng giám đốc**

1. Quyền hạn và nhiệm vụ : Tổng Giám đốc là người trực tiếp điều hành công việc hàng ngày của Công ty, có các quyền hạn và nhiệm vụ sau :
  - a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không cần phải có quyết định của HĐQT;
  - b. Tổ chức thực hiện các quyết định của HĐQT;
  - c. Tổ chức thực hiện các kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
  - d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty;
  - e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của HĐQT;
  - f. Trình HĐQT khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động cũng như quyết định lương và phụ cấp ( nếu có ) của người lao động trong Công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
  - g. Tuyển dụng lao động;
  - h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
  - i. Phân công hoặc ủy quyền cho các Phó Tổng giám đốc, các cán bộ quản lý khác đại diện mình thực hiện một số công việc của Công ty;



- j. Từ chối thực hiện những quyết định của HĐQT nếu thấy trái pháp luật, trái Điều lệ của Công ty và trái với nghị quyết của ĐHĐCĐ đồng thời phải báo ngay cho Ban kiểm soát biết;
- k. Hàng năm Tổng giám đốc phải trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh, kế hoạch tài chính theo quy chế quản lý tài chính của Công ty;
- l. Thực hiện kế hoạch kinh doanh hàng năm do HĐQT thông qua;
- m. Thực hiện những biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động và quản lý của Công ty;
- n. Các quyền và nhiệm vụ khác do HĐQT quyết định.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện :

- a. Có đủ năng lực hành vi dân sự không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định pháp luật.
- b. Là cá nhân có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong các ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty.
- c. Có trách nhiệm, tư cách, đạo đức tốt;
- d. Tổng giám đốc Công ty không được đồng thời làm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của doanh nghiệp khác.

**Điều 49 : Từ nhiệm, bãi nhiệm và đương nhiên mất tư cách :**

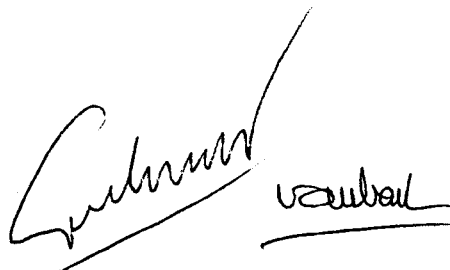
1. Từ nhiệm và đương nhiên mất tư cách :

Khi Tổng giám đốc điều hành muốn từ nhiệm phải có đơn gửi HĐQT. Trong thời hạn ba mươi ngày kể từ ngày nhận được đơn, HĐQT họp xem xét và quyết định.

Tổng giám đốc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây :

- a. Chết, mất trí, mất quyền công dân;
- b. Theo Quyết định của HĐQT;
- c. Vi phạm quy định của Luật doanh nghiệp và điều lệ Công ty;
- d. Trong trường hợp Công ty bị giải thể, phá sản.

Trong trường hợp Tổng giám đốc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, HĐQT phải công bố bằng văn bản về việc này và đề cử người tạm thay thế. Trong thời hạn tối đa ba mươi ngày kể từ ngày công bố, HĐQT phải tiến hành các thủ tục để bổ nhiệm Tổng giám đốc mới.



**Điều 50 : Hợp đồng, giao dịch phải được ĐHĐCĐ hoặc HĐQT chấp thuận**

1. Các hợp đồng thương mại, dân sự của Công ty với cổ đông, người đại diện được ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 35% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ, với thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, thành viên BKS chỉ được ký kết theo quy định sau :

a. Đối với các hợp đồng có giá trị hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty thì phải được ĐHĐCĐ chấp thuận trước khi ký. Thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

b. Đối với các hợp đồng có giá trị nhỏ hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty thì phải được HĐQT chấp thuận trước khi ký. Thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

2. Hợp đồng và giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được giao kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại khoản a và b điều này. Người đại diện theo pháp luật của Công ty, cổ đông, thành viên HĐQT hoặc Tổng Giám đốc có liên quan phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

**MỤC IV : QUAN HỆ GIỮA HĐQT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC**

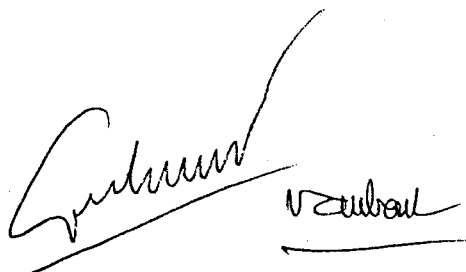
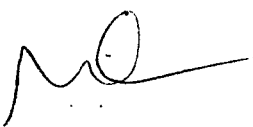
**Điều 51 : Phân công nhiệm vụ và quyền hạn giữa HĐQT và Ban Tổng giám đốc**

1. HĐQT thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại điều 36 của Điều lệ này. HĐQT có trách nhiệm và báo cáo trước ĐHĐCĐ về các hoạt động của mình.
2. Tổng Giám đốc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại điều 48 của Điều lệ này. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm và báo cáo trước HĐQT về các hoạt động của mình.

**MỤC V : QUYỀN KIỂM TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ**

**Điều 52 : Quyền kiểm tra sổ sách và hồ sơ**

1. Thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành có quyền kiểm tra sổ cổ phiếu của Công ty, danh sách cổ đông và những danh sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
2. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, giấy đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp ĐHĐCĐ và HĐQT, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một



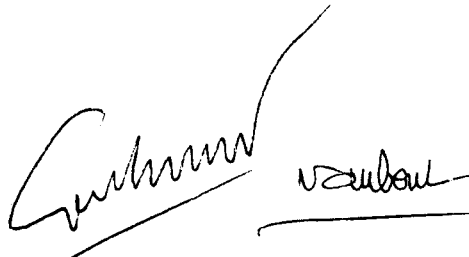
nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.

**MỤC VI : THƯ KÝ CÔNG TY**

**Điều 53: Thư ký Công ty**

Hội đồng Quản trị sẽ chỉ định một Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của HĐQT. HĐQT có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty vào bất kỳ thời điểm nào. Có thể cử hai hay nhiều người cùng làm đồng thư ký Công ty. HĐQT cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm :

- a. Tổ chức các cuộc họp của HĐQT, Ban Kiểm soát và ĐHCĐ theo lệnh của Chủ tịch HĐQT hoặc Ban kiểm soát;
- b. Làm biên bản các cuộc họp;
- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Cung cấp thông tin cho thành viên của HĐQT và Ban kiểm soát;



**CHƯƠNG VII**

**CƠ CHẾ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

**MỤC I : KẾ TOÁN TÀI CHÍNH**

**Điều 54 : Tài khoản ngân hàng**

**I. Tài khoản ngân hàng**

1. Công ty sẽ mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam theo quy định pháp luật.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật, nếu cần thiết.
3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

**Điều 55: Năm tài chính**

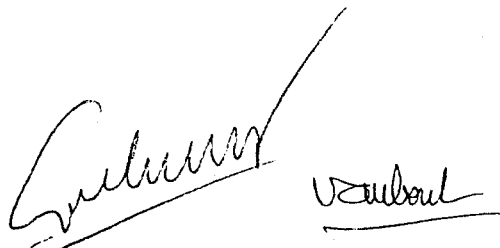
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp giấy đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp giấy đăng ký kinh doanh đó.

**Điều 56 : Hệ thống kế toán**

1. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là hệ thống kế toán Việt Nam (VAS) hoặc bất kỳ hệ thống nào khác được Bộ tài chính chấp thuận.
2. Công ty sẽ phải lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo các quy định của Pháp luật. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

**Điều 57: Báo cáo thường niên**

1. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, HĐQT phải chuẩn bị các bản báo cáo và tài liệu sau :
  - a. Báo cáo kế toán hàng năm phải bao gồm : một báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh về tình hình lỗ, lãi của Công ty trong năm tài chính và bảng cân đối kế toán về tình hình hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo.
  - b. Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty.
2. Các báo cáo phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật trước khi trình ĐHCĐ xem xét, thông qua.



3. Báo cáo kế toán hàng năm phải được thực hiện một cách trung thực và khách quan.
4. Một bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán phải được gửi đến đại diện của từng nhóm cổ đông hoặc cá nhân cổ đông có yêu cầu.

**Điều 58 : Nộp báo cáo**

Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được báo cáo theo những quy định của Nhà nước và nộp cho các cơ quan hữu quan và phòng đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật doanh nghiệp.

**Điều 59: Kiểm toán**

1. Tại ĐHCĐ hàng năm, một Công ty kiểm toán độc lập được phép hoạt động hợp pháp tại Việt Nam sẽ được HĐQT chỉ định để tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với HĐQT.
2. Một bản sao của Báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của Công ty.

**Điều 60 : Con dấu**

1. HĐQT sẽ thông qua một con dấu chính thức của Công ty và HĐQT có thể xác định nội dung của con dấu theo những quy định của Luật pháp.
2. Người đại diện theo pháp luật chịu trách nhiệm quản lý sử dụng con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

**MỤC II : PHÂN CHIA LỢI NHUẬN**

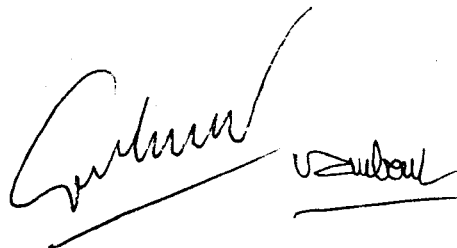
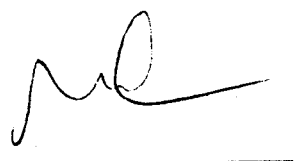
**Điều 61 : Phân phối lợi nhuận và trích lập quỹ, cổ tức**

**I : Phân phối lợi nhuận và trích lập quỹ**

Lợi nhuận sau thuế vào cuối năm tài chính, trước khi phân chia cổ tức cho các cổ đông phải trích lập các quỹ như sau :

1. Hàng năm, Công ty sẽ phải trích từ lợi nhuận sau thuế của mình một khoản nộp vào Quỹ dự phòng tài chính. Khoản này không được vượt quá 05% và sẽ được tiếp tục trích nộp tới một giới hạn tích lũy bằng 10% vốn Điều lệ của Công ty.
2. Việc trích tỷ lệ % cho các quỹ khen thưởng, phúc lợi, phát triển sản xuất do HĐQT trình ĐHCĐ quyết định căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh hàng năm.

Số lợi nhuận còn lại sau khi trích các quỹ, được chia cổ tức cho các cổ đông theo tỷ lệ tương ứng số cổ phần góp vốn.

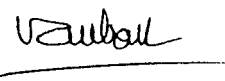
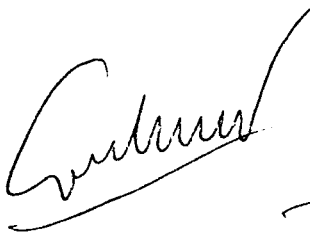
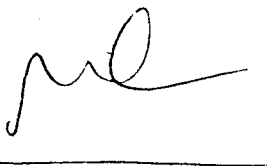


**Điều 62 : Cổ tức**

1. Cổ tức được chia theo mức ĐHĐCĐ quyết định trên cơ sở đề nghị của HĐQT.
2. Theo quyết định của ĐHĐCĐ và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận của Công ty sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật và khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả.
3. Công ty sẽ không trả lãi cho bất cứ một khoản cổ tức hay khoản tiền nào khác mà cổ đông chưa đến nhận khi đến hạn.

**Điều 63 : Hình thức chi trả**

1. ĐHĐCĐ theo đề xuất của HĐQT sẽ thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc từng phần cổ tức bằng tiền mặt hay những tài sản cụ thể khác.
2. HĐQT thông qua nghị quyết của mình có thể quy định một ngày cụ thể ( ngày khoá sổ ) khoá sổ hoạt động kinh doanh của Công ty mà theo đó những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày khoá sổ này có thể là cùng ngày hoặc bất cứ vào thời điểm nào trước khi việc thụ hưởng các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phần hoặc chứng khoán liên quan.





**CHƯƠNG VIII**

**GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ – SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ**

**Điều 64: Giải quyết tranh chấp nội bộ**

1. Khi phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới công việc của Công ty hay tới quyền của các Cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các Luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:
  - a. Một Cổ đông hay các Cổ đông với Công ty; hoặc
  - b. Một Cổ đông hay các Cổ đông với ĐHĐCĐ, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành hay người quản lý khác. Thì các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới HĐQT hay Chủ tịch HĐQT, Chủ tịch HĐQT sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu mỗi bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Nếu tranh chấp liên quan tới HĐQT hay Chủ tịch HĐQT, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.
2. Giải quyết tranh chấp giữa các thành viên HĐQT và cổ đông  
Trừ khi Điều lệ này có quy định khác, các cổ đông nắm giữ một nửa số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên HĐQT có quyền đệ đơn khiếu nại tới Tòa án để yêu cầu giải thể theo một hay một số các căn cứ sau :
  - a. Các cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên HĐQT.
  - b. Có sự bất đồng nội bộ và hai hay nhiều phe cánh cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cho cả toàn thể cổ đông.
3. Nếu không có quyết định hoà giải nào đạt được trong vòng (6) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp thuận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp ra Tòa án theo Luật định.
4. Mỗi bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của Tòa án sẽ do Tòa án quyết bên nào phải chịu.

**Điều 65 : Bổ sung và sửa đổi Điều lệ**

Mọi sự bổ sung hay sửa đổi bản Điều lệ phải được lập dưới hình thức một dự thảo để ĐHĐCĐ xem xét và quyết định.

**CHƯƠNG IX**

**TỔ CHỨC LẠI - GIẢI THỂ, PHÁ SẢN**

**Điều 66: Chấm dứt hoạt động**

**I. Chấm dứt hoạt động**

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
  - a. Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;
  - b. Toà án kinh tế thuộc Toà án Nhân dân của Việt Nam tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành.
  - c. Theo quyết định của ĐHĐCĐ;
  - d. Bị thu hồi Giấy chứng nhận kinh doanh;
  - e. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.
2. Bất kỳ quyết định nào nhằm giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn gia hạn) đều phải được ĐHĐCĐ thông qua và quyết định này phải được báo cáo lên cơ quan có thẩm quyền để báo cáo xin ý kiến chấp thuận nếu thủ tục chấp thuận này là bắt buộc.

**II. Các hoạt động bị cấm kể từ khi có quyết định giải thể**

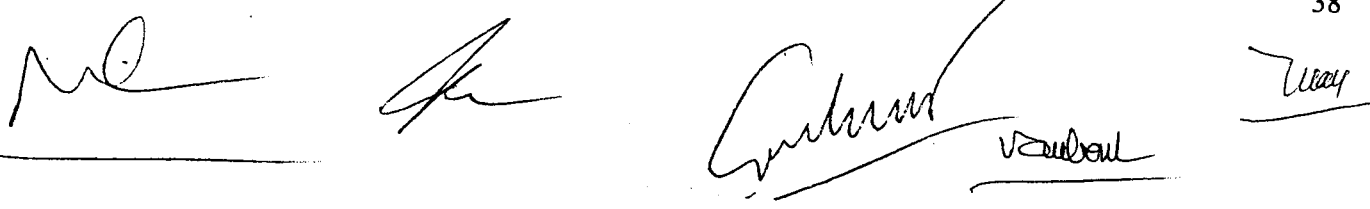
1. Kể từ khi có quyết định giải thể Công ty nghiêm cấm Công ty, người quản lý Công ty thực hiện các hoạt động sau :
  - a. Cất giấu, tẩu tán tài sản;
  - b. Từ bỏ hoặc giảm bớt quyền đòi nợ;
  - c. Chuyển các khoản nợ không có bảo đảm thành các khoản nợ có bảo đảm bằng tài sản của Công ty;
  - d. Ký kết hợp đồng mới không phải là hợp đồng nhằm thực hiện giải thể Công ty;
  - e. Cầm cố, thế chấp, tặng cho, cho thuê tài sản;
  - f. Chấm dứt thực hiện hợp đồng đã có hiệu lực;
  - g. Huy động vốn dưới mọi hình thức.

**III. Phá sản**

Việc phá sản Công ty được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.

**Điều 67 : Gia hạn thời hạn hoạt động**

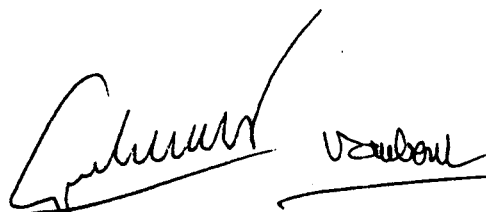
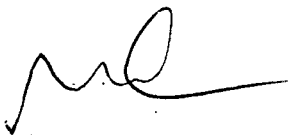
1. Hội đồng Quản trị sẽ triệu tập ĐHĐCĐ ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để Cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn thời hạn hoạt động của Công ty thêm một thời gian theo đề nghị của HĐQT.



2. Thời gian hoạt động sẽ được gia hạn thêm nếu số Cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết có mặt trực tiếp tại ĐHCĐ hoặc qua ủy quyền bỏ phiếu tán thành việc gia hạn.

**Điều 68: Thanh lý và giải thể**

1. Ít nhất sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, HĐQT sẽ phải thành lập Ban thanh lý. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số thành viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày được thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự ưu tiên sau:
  - a. Các chi phí thanh lý;
  - b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;
  - c. Thuế và các chi phí nhập khẩu có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà Nước Việt Nam;
  - d. Các khoản vay (nếu có);
  - e. Các khoản nợ khác của Công ty
  - f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán mọi khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia sau khi các cổ phiếu ưu đãi được thanh toán trước.



**CHƯƠNG X**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH, NHỮNG QUY ĐỊNH KHÁC**

**Điều 69: Kế thừa**

Công ty kế thừa toàn bộ các quyền và nghĩa vụ pháp lý phát sinh từ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp được cổ phần hóa.

**Điều 70 : Những quy định khác**

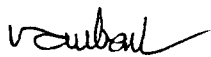
Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

**Điều 71 : Ngày hiệu lực**

1. Điều lệ này sẽ có hiệu lực kể từ khi được ĐHĐCĐ thông qua.
2. Sau khi ĐHĐCĐ thông qua, Điều lệ này được thành lập 10 bản; được đăng ký, nộp tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định pháp luật và lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty.
3. Công ty sẽ nộp bản chính, bản sao hoặc trích lục Điều lệ của Công ty cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền khác nếu các cơ quan này có yêu cầu đúng thẩm quyền.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc 2/3 số thành viên của HĐQT.
5. Điều lệ này được làm tại Công ty Cổ phần Thực phẩm & Dịch vụ Sài Gòn vào ngày 28 tháng 04 năm 2007 bằng tiếng Việt.

TP. Hồ Chí Minh, ngày... tháng... năm 2007


**CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP ĐỒNG KÝ TÊN**



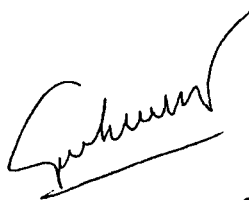
**VÕ VĂN BỐN**

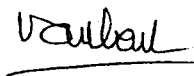


**PHAN ANH TUẤN**











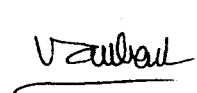
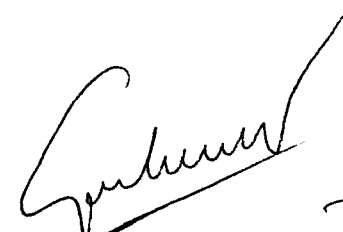
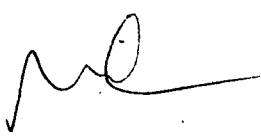
**Mục Lục**

I. PHẦN MỞ ĐẦU .....	1
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ .....	1
<b>CHƯƠNG I : NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG .....</b>	<b>3</b>
Điều 1: Tên, Hình thức, Trụ sở, Chi nhánh, Văn phòng đại diện và thời gian hoạt động của Công ty .....	2
Điều 2: Thời hạn hoạt động .....	4
Điều 3: Nguyên tắc tổ chức hoạt động .....	4
Điều 4: Ngành, nghề kinh doanh , phạm vi kinh doanh .....	4
Điều 5: Người đại diện theo pháp luật .....	5
Điều 6: Tổ chức chính trị và Tổ chức chính trị xã hội tại Công ty .....	5
<b>CHƯƠNG II : QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY .....</b>	<b>6</b>
Điều 7: Quyền của Công ty .....	6
Điều 8: Nghĩa vụ của Công ty .....	7
<b>CHƯƠNG III : VỐN ĐIỀU LỆ - CỔ PHẦN .....</b>	<b>8</b>
<b>MỤC I : VỐN .....</b>	<b>8</b>
Điều 9: Vốn điều lệ .....	8
Điều 10: Các loại vốn khác .....	8
<b>MỤC II : CỔ PHẦN .....</b>	<b>9</b>
Điều 11: Cổ phần – Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần .....	9
Điều 12: Phát hành cổ phần .....	9
Điều 13: Chuyển nhượng cổ phần .....	9
Điều 14: Thừa kế cổ phần .....	10
Điều 15: Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty .....	11
Điều 16: Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông .....	11
Điều 17: Điều kiện thanh toán và xử lý cổ phần được mua lại .....	12
<b>CHƯƠNG IV : CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG .....</b>	<b>13</b>
<b>MỤC I : CỔ ĐÔNG .....</b>	<b>13</b>
Điều 18: Quy định chung về cổ đông .....	13
Điều 19: Quyền của cổ đông .....	13
Điều 20: Nghĩa vụ của các cổ đông .....	15
<b>MỤC II : ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG .....</b>	<b>15</b>
Điều 21: Quy định chung về Đại hội đồng cổ đông .....	15
Điều 22: Đại hội đồng cổ đông thường niên .....	15



Điều lệ Công ty Cổ phần Thực phẩm & Dịch vụ Sài Gòn

Điều 23: Đại hội đồng Cổ đông bất thường .....	16
Điều 24: Thẩm quyền triệu tập họp, chương trình họp, thông báo .....	17
Điều 25: Biên bản họp ĐHĐCĐ .....	17
Điều 26: Chi phí tổ chức Đại hội đồng cổ đông .....	18
Điều 27: Quyền dự họp ĐHĐCĐ .....	18
Điều 28: Thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ .....	18
Điều 29: Phê chuẩn các nghị quyết thông qua hình thức gửi văn bản .....	19
Điều 30: Yêu cầu hủy bỏ quyết định của ĐHĐCĐ .....	20
<b>CHƯƠNG V : CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ .....</b>	<b>21</b>
Điều 31: Cơ cấu tổ chức quản lý .....	21
Điều 32: Nghĩa vụ chung của người quản lý Công ty .....	21
<b>CHƯƠNG VI : TỔ CHỨC QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY .....</b>	<b>22</b>
<b>MỤC I : HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ .....</b>	<b>22</b>
Điều 33 : Quy định chung về HĐQT .....	22
Điều 34 : Nhiệm kỳ và số lượng thành viên .....	22
Điều 35 : Chủ tịch và thành viên HĐQT .....	22
Điều 36 : Quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT .....	23
Điều 37 : Hoạt động của HĐQT .....	24
Điều 38 : Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT .....	25
Điều 39 : Trường hợp khuyết thành viên HĐQT .....	25
Điều 40 : Phân công nhiệm vụ và quyền hạn giữa các thành viên HĐQT .....	26
Điều 41 : Quyền lợi của thành viên HĐQT .....	26
<b>MỤC II : BAN KIỂM SOÁT .....</b>	<b>27</b>
Điều 42 : Quy định chung về Ban kiểm soát .....	27
Điều 43 : Nhiệm kỳ của thành viên Ban .....	27
Điều 44 : Từ chức từ nhiệm và miễn nhiệm Ban kiểm soát .....	28
Điều 45 : Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát .....	28
Điều 46 : Nghĩa vụ của Ban kiểm soát .....	29
<b>MỤC III : BAN GIÁM ĐỐC VÀ CÁC VẤN ĐỀ LIÊN QUAN .....</b>	<b>30</b>
Điều 47: Bổ nhiệm Tổng Giám đốc .....	30
Điều 48: Quyền hạn và nhiệm vụ của Tổng Giám đốc .....	30
Điều 49 : Từ nhiệm và miễn nhiệm, bãi nhiệm .....	31
Điều 50 : Hợp đồng, giao dịch .....	32
<b>MỤC IV: QUAN HỆ GIỮA HĐQT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC .....</b>	<b>32</b>



Điều 51 : Phân công nhiệm vụ - quyền hạn giữa HĐQT - Tổng giám đốc.....	32
<b>MỤC V: QUYỀN KIỂM TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ.....</b>	<b>32</b>
Điều 52 : Quyền kiểm tra sổ sách và hồ sơ.....	32
<b>MỤC VI : THƯ KÝ CÔNG TY.....</b>	<b>33</b>
Điều 53 : Thư ký Công ty.....	33
<b>CHƯƠNG VII : CƠ CHẾ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH.....</b>	<b>34</b>
<b>MỤC I: KẾ TOÁN TÀI CHÍNH.....</b>	<b>34</b>
Điều 54: Tài khoản ngân hàng.....	34
Điều 55: Năm tài chính.....	34
Điều 56 Hệ thống kế toán.....	34
Điều 57: Báo cáo thường niên.....	34
Điều 58: Nộp báo cáo.....	35
Điều 59: Kiểm toán.....	35
Điều 60: Con dấu.....	35
<b>MỤC II : PHÂN CHIA LỢI NHUẬN.....</b>	<b>35</b>
Điều 61: Phân chia lợi nhuận và trích lập quỹ.....	35
Điều 62: Cổ tức.....	36
Điều 63: Hình thức chi trả.....	36
<b>CHƯƠNG VIII : GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP - SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....</b>	<b>37</b>
Điều 64 : Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	37
Điều 65 : Bổ sung, sửa đổi điều lệ.....	37
<b>CHƯƠNG IX : TỔ CHỨC LẠI - GIẢI THỂ, PHÁ SẢN.....</b>	<b>38</b>
Điều 66: Chấm dứt hoạt động.....	38
Điều 67: Gia hạn thời gian hoạt động.....	38
Điều 68: Thanh lý và giải thể.....	39
<b>CHƯƠNG X : ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH - NHỮNG QUY ĐỊNH KHÁC.....</b>	<b>40</b>
Điều 69 : Kế thừa.....	40
Điều 70 : Những quy định khác.....	40
Điều 71 : Ngày hiệu lực và đăng ký điều lệ.....	40



0000

11

0000

000000